

Bản án số: 99/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 18- 12 -2024
V/v “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN, TỈNH AN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Hiếu.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Lê Ngọc Trân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn tham gia phiên tòa:
Không tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 422/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2024 về “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 202/2024/QĐSXST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1981

Nơi cư trú: Tổ G, khóm A, thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn:* Ông Phạm Bá P, sinh năm 1979

Nơi cư trú: Tổ G, khóm A, thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang.

(Nguyên đơn, bị đơn có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, tờ tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H trình bày: Bà Nguyễn Thị Ngọc H và ông Phạm Bá P tự quen biết, tìm hiểu và chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1998, không tổ chức lễ cưới và không có đăng ký kết hôn. Ông bà sống hạnh phúc đến một thời gian dài, thời gian gần đây thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nên thường hay cự cãi nhiều lần, không thể hàn gắn tình cảm. Nhận thấy tình cảm không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn nên bà yêu cầu Toà án giải quyết không công nhận bà và ông Phạm Bá P là vợ chồng.

- Về con chung: Bà H và ông P có 02 con chung tên Phạm Quỳnh H1, sinh ngày 11/4/2001 và Phạm Bá Trung H2, sinh ngày 25/8/2009. Hiện cháu

Phạm Quỳnh H1 đã trưởng thành, khoẻ mạnh và có khả năng tự lao động. Cháu Phạm Bá Trung H2 hiện đang sống chung gia đình, khi ly hôn bà có yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H2,

- Về cấp dưỡng: Không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại tờ tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Phạm Bá P trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông P thống nhất với nội dung trình bày của bà Ngọc H về việc tìm hiểu và thời điểm chung sống với nhau. Ông thừa nhận vợ chồng chung sống hạnh phúc từ năm 1998 đến thời gian gần đây thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không còn thương yêu, tôn trọng nên thường bất hòa. Ông và bà H đã ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn và không thể hàn gắn mối quan hệ, nay bà H khởi kiện yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với ông, ông đồng ý.

- Về con chung: Ông P và bà H có 02 (hai) con chung tên Phạm Quỳnh H1, sinh ngày 11/4/2001 và Phạm Bá Trung H2, sinh ngày 25/8/2009. Hiện cháu Phạm Quỳnh H1 đã trưởng thành, khoẻ mạnh và có khả năng tự lao động. Cháu Phạm Bá Trung H2 hiện đang sống chung gia đình, khi ly hôn ông P đồng ý cho bà H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H2.

- Về cấp dưỡng: Ông P không cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa,

Bà Nguyễn Thị Ngọc H và ông Phạm Bá P có mặt và giữ nguyên yêu cầu, ý kiến đã trình bày.

Các đương sự yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án, vì vậy Tòa án tiến hành xem xét yêu cầu của đương sự mà không tiến hành hòa giải.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nhận định:

- Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Ngọc H yêu cầu Tòa án giải quyết việc tranh chấp về hôn nhân gia đình với ông Phạm Bá P. Ông P có nơi cư trú tại thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang. Nên, Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vụ án có tình tiết đơn giản, quan hệ pháp luật rõ ràng, không phải thu thập thêm tài liệu, chứng cứ, các đương sự có nơi cư trú rõ ràng, nên áp dụng theo thủ tục rút gọn theo quy định tại khoản 1 Điều 317 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc H và ông Phạm Bá P tự nguyện chung sống như vợ chồng từ năm 1998 cho đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống, thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng do bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp, không thể hàn gắn nên bà Ngọc H và ông P thống nhất yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng. Xét thấy, bà Ngọc H và ông P chung sống như vợ chồng từ năm 1998 nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình về việc đăng ký kết hôn và giải quyết hậu quả của việc nam, nữ sống chung với nhau mà không đăng ký kết hôn. Do đó, C cứ điểm b khoản 3 Nghị quyết của Quốc hội số 35/2000/QH10, ngày 09/06/2000 và Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT- TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Tư pháp, tuyên bố quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Ngọc H và ông Phạm Bá P không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[2] Về con chung: Bà H và ông P có 02 (hai) con chung tên Phạm Quỳnh H1, sinh ngày 11/4/2001 và Phạm Bá Trung H2, sinh ngày 25/8/2009. Hiện cháu Phạm Quỳnh H1 đã trưởng thành, khoẻ mạnh và có khả năng tự lao động. Cháu Phạm Bá Trung H2 hiện đang sống chung gia đình, khi ly hôn ông P đồng ý cho bà H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H2. Cháu Phạm Bá Trung H2 có trình bày nguyện vọng được sống chung với mẹ. Do đó, căn cứ quyền lợi ích về mọi mặt của con chung, Tòa án quyết định giao con chung tên Phạm Bá Trung H2 cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con chung do bà H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Ngọc H và ông P trình bày không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280; khoản 1 Điều 317, Điều 322 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Khoản 2 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị Ngọc H và ông Phạm Bá P là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao con chung tên Phạm Bá Trung H2, sinh ngày 25/8/2009 cho bà Nguyễn Thị Ngọc H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Bà Nguyễn Thị Ngọc H và gia đình phải tạo điều kiện thuận lợi cho ông Phạm Bá P được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Các đương sự có quyền thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con phù hợp với lợi ích của con theo quy định tại Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí Hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012914, ngày 09 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn. Bà Nguyễn Thị Ngọc H được nhận lại 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Tri Tôn;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS huyện Tri Tôn;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP (6).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Trung Hiếu